

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 10
(Từ ngày 16 tháng 09 đến ngày 15 tháng 10 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Thấp nhất: 17-20⁰C; Cao nhất: 22-25⁰C.
- Độ ẩm trung bình từ: 80 -90 %.
- Nhận xét khác: Nhiều mây, phía Bắc có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và rải rác có dông; phía Nam có mưa rào và dông rải rác. Gió tây bắc đến tây cấp 3. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ thu hoạch vụ Hè thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa nước	Chín- Thu hoạch	53.507 ha/66.698 ha
Ngô	Chín- thu hoạch	51.176 ha/51.176 ha
Khoai lang	PTTL- tạo củ	3.293 ha/3.293 ha
Rau các loại	Các giai đoạn	4.677 ha/4.677 ha
Sắn	hình thành củ	134ha/39.482ha
Mía	Vươn lóng- tích lũy đường	9.964ha/14.000ha
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	7.476 ha/9.421 ha
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả xanh- chín bói	213.336
Cây tiêu	Chăm sóc - Ra đợt non	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Giai đoạn chăm sóc	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.141

2.1. Tiến độ thu hoạch vụ Hè thu năm 2022: Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay toàn tỉnh đã thu hoạch được với tổng diện tích 139.427 ha/204.860 ha diện tích thực hiện, đạt 68,06%. Trong đó, lúa 53.507 ha/66.698 ha diện tích thực hiện, đạt 80,22%; ngô 51.176

ha/51.176 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; khoai lang 3.293 ha/3.293 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; sắn 134 ha/39.482 ha diện tích thực hiện, đạt 0,34%; đậu xanh 5.934 ha/5.934 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; đậu nành 1.001 ha/1.001 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; đậu lạc 2.446 ha/2.446 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; đậu các loại 9.783 ha/ 9.783 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; rau xanh 4.677 ha/4.677 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; cây hàng năm khác 7.476 ha/9.421 ha diện tích thực hiện, đạt 79,35% (mè 1.643 ha; cỏ 3.448 ha, gừng, nghệ 303, cây khác 2.082 ha).

* Ước sản lượng lương thực vụ Hè thu năm 202: Tổng sản lượng lương thực vụ Hè thu 2022 ước đạt 792.145 tấn/738.672 tấn kế hoạch, đạt 107,24% (trong đó sản lượng lúa ước đạt 492.000 tấn, sản lượng ngô 300.145 tấn), tăng 62.714 tấn so với cùng kỳ

2.2. Tiến độ gieo trồng vụ Thu đông năm 2022: Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Thu đông năm 2022 gieo trồng với tổng diện tích 38.270 ha/53.500 ha, đạt 71,53% kế hoạch. Trong đó, lúa 1.838 ha, ngô 21.951ha/29.770 ha, đạt 73,74% kế hoạch; khoai lang 1.285 ha/1.640 ha, đạt 78,35% kế hoạch; sắn 566 ha, đậu nành 741ha/1.700 ha, đạt 43,59% kế hoạch; đậu lạc 3.009 ha/4.020 ha, đạt 74,85% kế hoạch; đậu các loại 4.701 ha/7.550 ha, đạt 62,26 % kế hoạch; rau các loại 2.494 ha/3.840 ha, đạt 64,95% kế hoạch; cây hàng năm khác 1.685 ha/4.980 ha, đạt 33,84 % kế hoạch (cỏ 1.223 ha, mè 213 ha, cây khác 249 ha).

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 09 NĂM 2022:

*** Nhóm cây ăn quả:**

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 4-25%, DTN 52 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, TX. Buôn Hồ); Rầy nhậy TLH 5-15% DTN 03ha (Krông Năng). Bệnh thối gốc TLH 3-17% DTN 05ha (Krông Pắc). Bệnh thối rễ TLH 8-18% DTN 1,3 ha (EaKar). Bệnh đốm rong (tảo) TLH 3-25% DTN 18 ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ, EaKar); Bệnh thán thư TLH 3-6% DTN 05 ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh chảy gom TLH 5-12% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Năng). Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*,...gây hại rải rác.

2. Trên cây có múi (cam quýt): Sâu vẽ bùa TLH 12-15% DTN 05 ha (Ea Kar); Bệnh Greening TLH 10-25% DTN 02 ha (Ea Kar); Ruồi đục trái, sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

3. Trên cây nhãn: Rệp sáp TLH 8-15% DTN 04ha (Eakar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

4. Trên cây Bơ: Bọ xít muỗi TLH 2-5% và Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

5. Trên cây chanh leo: Bệnh đốm nâu TLH 6-20% DTN 8,5ha (EaKar, Tx. Buôn Hồ). Ruồi đục quả TLH 5-20% DTN 11ha (TX Buôn Hồ, EaKar). Rệp muội TLH 7-20% DTN 02ha (EaKar). Bệnh héo rũ TLH 6-12% DTN 1,6ha (EaKar).

*** Nhóm cây CN lâu năm:**

6. Trên cây ca cao: Rệp muội TLH 10-25% DTN 05 ha (Ea Kar); Bệnh khô thân TLH 15-25% DTN 04 ha (Ea Kar); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

7. Trên cây cà phê: Bệnh khô cành TLH 3-25% DTN 25ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Cư Kuin, Krông Năng); Bệnh gỉ sắt TLH 2-25% DTN 19 ha (Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ); Bệnh đốm mắt cua TLH 5-27% DTN 06 ha (Krông Pắc); Bệnh nấm hồng TLH 3-10% DTN 26ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Búk). Rụng quả cà phê TLH 5-7% DTN 10ha (Cư Kuin, TX. Buôn Hồ); Bệnh đốm mắt cua TLH 7-29 DTN 07ha (Krông Pắc). Rệp sáp TLH 5-15% DTN 37 ha (Krông Búk, TX Buôn Hồ, Lắk, Krông Năng); Rệp vảy (xanh, nâu) TLH 5-24% DTN 18 ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng); Bộ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 4-15% DTN 03ha (Krông Năng); Sâu đục thân mình hồng TLH 8-25% DTN 08ha (EaKar) và Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 5-30%, DTN 12 ha (Krông Búk, Ea Kar); Bệnh đốm tảo TLH 15-25% DTN 09ha (EaKar). Bộ xít muỗi TLH 4-8%, DTN 11 ha (Krông Búk). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 3-20%, DTN 132,5 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk) tăng 4,2ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 2-10%, DTN 73,7 ha (Cư Kuin, Buôn Đôn, Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Năng) tăng 3,2ha so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 5-20%, DTN 18 ha (Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng, TX Buôn Hồ); Bệnh nấm hồng TLH 8-25 DTN 08ha (EaKar); Tuyến trùng TLH 5-12%, DTN 10ha (TX Buôn Hồ); Bệnh khảm lá virus TLH 3-7% DTN 04ha (Cư Kuin); Bộ xít lưới TLH 3-16% DTN 25ha (Ea Kar, Krông Năng, Krông Búk, Krông Pắc); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

9. Trên cây cao su: Bệnh nấm hồng TLH 5-15% DTN 2.5ha (Krông Năng)

*** Nhóm cây CN ngăn ngày:**

10. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 65 ha (Ea Súp, EaKar); Bộ phận TLH 10-25% DTN 09ha (EaKar) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

11. Trên cây mía: Sâu đục thân TLH 8-20% DTN 16 ha (Ea Kar) tăng 07ha so với kỳ trước; Bệnh thối đỏ thân TLH 10-20% DTN 07ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

12. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 3-25% DTN 16ha (Ea Kar, Krông Búk); Đốm lá lớn TLH 10-25% DTN 08ha (EaKar). Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Trên cây lúa:

Sâu cuốn lá nhỏ TLH 3-8% DTN 07ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ); Bộ trĩ TLH 5-10% DTN 05ha (TX. Buôn Hồ); Sâu đục thân TLH 3-35% DTN 233,5ha (Ea Kar, TX Buôn Hồ) tăng 213ha so với kỳ trước; Chuột hại TLH 10-15% DTN 02ha (EaKar); Rầy nâu 8-100 c/m², MĐ cao 200-2.000 c/m² DTN 05ha (EaKar, EaSúp); Bộ trĩ TLH 5-15% DTN 04ha (Lắk, TX. Buôn Hồ).

Bệnh đạo ôn lá TLH 5-30% DTN 17ha (Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Năng); Bệnh khô vằn TLH 5-25% DTN 13ha (Ea Kar); Bệnh vàng lá, thối rễ TLH 8-25% DTN 13ha (EaKar); Bệnh bạc lá TLH 3-20% DTN 10,2ha (Ea Súp, Lắk);

Bệnh vàng lá chín sớm TLH 4-15% DTN 02ha (Krông Pắc); Bệnh vàng lá do vi khuẩn TLH 6-15% DTN 02ha (Krông Năng); Bệnh lép lép hạt TLH 10-25% DTN 20ha (EaSup, EaKar, Krông Pắc); Bệnh đạo ôn cổ bông TLH 5-10% DTN 13ha (EaKar); Tuyến trùng TLH 15-30% DTN 01ha (EaSup) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây rau màu:**

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 8-20% DTN 1,7 ha (EaKar); Bệnh thối gốc mốc trắng TLH 8-18% DTN 1,1ha (EaKar); và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cà chua: Bọ phấn TLH 10-15% DTN 04 ha (Ea Kar); Bệnh đốm lá vi khuẩn TLH 8-30% DTN 04ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau thập tự: Sâu xám TLH 15-30% DTN 03 ha (EaKar). Bệnh thối nhũn TLH 8-15% DTN 1,5ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 10 NĂM 2022:

1. Trên cây lúa: Sâu hại giảm ít còn khả năng gây hại. Bệnh đạo ôn, khô vằn, đốm sọc vi khuẩn gây hại trong điều kiện thời tiết âm u, mưa nhiều.

Trên lúa Thu đông: Rầy nâu, bọ trĩ, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, bạc lá.... gây hại rải rác.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh. Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả xanh – chín bói.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại giai đoạn ra hoa- nuôi quả.

4. Trên rau các loại: Sâu tơ, sâu xanh, bọ nhầy, bệnh thối nhũn, lở cổ rễ....gây hại nhiều giai đoạn trên cây rau màu. Ruồi đục quả, bệnh mốc sương, đốm lá chủ yếu trên cây cà chua và họ bầu bí.

5. Trên ngô, đậu vụ Thu đông: Sâu keo mùa Thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn... gây hại trên ngô. Sâu ăn lá, sâu xanh, sâu khoang, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh giai đoạn ra đợt non và gây hại nặng cục bộ những vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bọ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh chủ yếu giai đoạn mía đẻ nhánh - vuron lóng gây hại cục bộ những vùng ổ dịch.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riêng, Bơ, Thắc long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả; bệnh cháy gom, bệnh vàng lá thối rữa, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Bố trí cán bộ điều tra, tổng hợp báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa:**

- Điều tra theo dõi, dự tính dự báo và hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn,.....tiếp tục gây hại chủ yếu lúa giai đoạn chín ... có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tiếp tục kiểm tra theo dõi diễn biến sâu, bệnh hại trên lúa Thu đông để có biện pháp chỉ đạo phòng trừ hiệu quả.

- Chuột: Gây hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh - đông trổ và Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tiếp tục công tác điều tra, phát hiện theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân, tuyến trùng, một đục cành, một đục quả...). Khuyến cáo nông dân chỉ thu hái những quả chín bói, không hái cà phê khi còn xanh.

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ và hướng dẫn người dân phòng trừ...

*** Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không

sử dụng cây bị bệnh làm giống.

* **Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

* **Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

* **Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành. Theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo phòng trừ kịp thời bệnh chết cây keo ở các vùng trồng keo.

* **Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Tiếp tục theo dõi, triển khai ứng dụng của công nghệ, thiết bị iMetos trong dự báo, cảnh báo thời tiết, sâu bệnh dịch bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cung cố hệ thống bẫy đèn, phần mềm PPDMS để phục vụ cho công tác Dự tính dự báo nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ để kịp thời chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Hè thu và vụ Thu đông../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTV các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (G-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 09 đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai đoạn-		12 - 15	3	2	0	5	0	0.0	-14.0	4	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh-	10 - 15	25	0.8	0.8	0.4	2	0	0.0	-6.5	1	Ea Kar
Chanh leo	Ruồi đục quả	các giai đoạn-Qua xanh-	5 - 12	10 - 20	7	4	0	11	0	6.0	11.0	4	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Bệnh đốm nâu	Kinh doanh-các giai đoạn-	6 - 15	12 - 20	5.5	3	0	8.5	0	-0.5	8.5	2	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Rệp muội	ra hoa, qua non-	5 - 7	15 - 20	1	1	0	2	0	0.0	2.0	1	Ea Kar
Nhãn	Rệp sáp	Qua non	8	15	2	2	0	4	0	0.0	4.0	2	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	các giai đoạn-chăm sóc, chín, thu hoạch-	4 - 10	6 - 25	42	10	0	52	0	0.0	31.0	42	Krông Búk, Krông Păk, Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm rong (Tảo)	Các giai đoạn-kinh doanh-thu hoạch-	3 - 15	8 - 35	10	8	0	18	0	0.0	5.0	9	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Păk
	Bệnh thối gốc	Các giai đoạn-	3 - 5	10 - 17	3	2	0	5	0	0.0	5.0	4	Krông Păk
	Bệnh thán thư	thu hoạch-	3	6	4	1	0	5	0	-4.0	-14.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh chảy gôm	chăm sóc-thu hoạch; KTCB-	3 - 8	5 - 15	4	1	0	5	0	2.0	-1.0	0	TX Buôn Hồ, Krông Năng
	Rầy nháy	thu hoạch; KTCB-	5 - 8	15	3	0	0	3	0	0.0	3.0	0	Krông Năng
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Rệp muội (rầy mềm)	la non-	10 - 12	25	3	2	0	5	0	5.0	-10.0	2.5	Ea Kar
	Bệnh khô thân	kinh doanh-	10 - 15	20 - 25	2	2	0	4	0	4.0	4.0	2	Ea Kar
Cà phê	Bệnh khô cành	Qua non-	1 - 10	4 - 25	30	9	0	39	0	0.0	6.5	22	Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn

													Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin, Krông Năng
	Rệp sáp	chắc xanh, chín-	4 - 10	6 - 15	34	3	0	37	0	0.0	14.5	19	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Lắk, Krông Năng
	Bệnh nấm hồng	chăm sóc, trái non-	3 - 5	5 - 10	22	4	0	26	0	3.0	-4.0	13	Krông Búk, TX Buôn Hồ
	Bệnh gỉ sắt	Kinh doanh- trái non-	3 - 15	6 - 25	14	5	0	19	0	0.0	-40.0	12	Ea Kar, Krông Búk, TX Buôn Hồ
	Rệp vảy (xanh, nâu)	Các giai đoạn- chắc xanh-quả xanh; KTCB	5 - 10	8 - 24	11	7	0	18	0	0.0	-13.6	6	TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng
	Rụng quả cà phê	chắc xanh-quả non-	2 - 7	5	8	2	0	10	0	0.0	6.0	0	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Sâu đục thân mình hồng	KTCB-	8 - 10	20	5	3	0	8	0	0.0	-1.0	5	Ea Kar
	Bệnh đốm mắt cua	quả non-	6 - 10	25 - 29	3	4	0	7	0	0.0	-2.0	5	Krông Pắc
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả xanh; KTCB-	4 - 8	15	3	0	0	3	0	0.0	3.0	0	Krông Năng
	Bệnh đen hạt				0	0	0	0	0	0.0	0.0	0	
Cao su	Bệnh nấm hồng	thu hoạch-KTCB-	4 - 7	15	2.5	0	0	2.5	0	0.0	-0.4	0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn- chăm sóc-	5 - 10	10 - 30	10	2	0	12	0	-6.0	-34.0	10	Krông Búk, Ea Kar
	Bọ xít muỗi	chăm sóc-	4	8	11	0	0	11	0	1.0	-5.5	10	Krông Búk
	Bệnh đốm tảo	kinh doanh	15	25	7	2	0	9	0	0.0	9.0	0	Ea Kar
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	các giai đoạn sinh trưởng	3 - 15	7 - 20	89.4	29.2	13.9	132.5	0	4.2	18.9	8	Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Búk
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn-quả non-Cac	1 - 8	4 - 10	51.2	13.5	9	73.7	0	3.2	41.2	6	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin, Ea Kar, Krông Năng
	Bọ xít lười	Ra hoa-trái non-la non,	3 - 9	9 - 16	22	3	0	25	0	-3.0	-19.0	22	Krông Búk, Krông Pắc, Krông Năng, Ea Kar
	Bệnh đốm tảo	Ra hoa-trái non-	4 - 10	8 - 20	13.5	4.5	0	18	0	2.5	-16.0	10	Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng, TX Buôn Hồ

	Tuyến trùng	quả non-	5	12	6	4	0	10	0	0.0	-4.9	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh-	8 - 15	25	4	2	2	8	0	-1.0	8.0	6	Ea Kar
	Bệnh khảm lá VR (tiêu diên)	Qua non-	2 - 7		4	0	0	4	0	0.0	0.0	4	Cư Kuin
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Mía	Sâu đục thân	vuon long-	8 - 10	16 - 20	11	5	0	16	0	7.0	16.0	7	Ea Kar
	Bệnh thối đỏ thân	vuon long-	6 - 10	18 - 20	4	3	0	7	0	0.0	7.0	4	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	cay con, tích luy tinh bot-PTTL-	5 - 40	25 - 90	54	3	8	65	0	2.0	-363.0	5	Ea Súp, Ea Kar
	Bọ phấn	PTTL-	10	15 - 25	5	4	0	9	0	3.0	9.0	5	Ea Kar
Nhóm cây: Cây lương thực khác													
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	cay con, PTTL-cây con,	3 - 10	25	15	1	0	16	0	8.0	1.9	14	Krông Búk, Ea Kar
	Đốm lá lớn	PTTL-	8	20 - 25	6	2	0	8	0	2.0	8.0	8	Ea Kar
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Sâu đục thân (Dảnh héo)	chín sữa, chac hat-	3 - 15	5 - 35	126	67.5	40	233.5	1	213.0	233.5	120	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Trổ-chín-thu hoạch-	5 - 10	10 - 25	17	3	0	20	0	13.0	-3.0	8	Ea Súp, Ea Kar, Krông Păk
	Bệnh đạo ôn lá	Trổ-chín	3 - 15	6 - 30	10	7	0	17	0	-0.5	-14.5	7	TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Păk, Krông Năng
	Bệnh đạo ôn cổ bông	tro, chac hat-	8 - 10	20 - 25	9	4	0	13	0	0.0	12.0	11	Ea Kar
	Bệnh khô vằn	Lam dong ,tro- chín sua, chín sạp	5 - 10	20 - 25	9	4	0	13	0	0.0	-27.0	4	Ea Kar, Ea Súp
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	tro, chín sua, chín sạp	7 - 10	10 - 20	9	1.2	0	10.2	0	1.2	-12.8	0	Ea Súp, Lăk
	Sâu cuốn lá nhỏ	Trổ-chín	1 - 4	3 - 8	5	2	0	7	0	-3.0	-17.5	3	TX Buôn Hồ, Krông Păk
	Rầy nâu	Lam dong-lam dong, tro	8 - 100	20 - 2000	3	2	0	5	0	0.0	-9.0	2	Ea Kar, Ea Súp
	Bọ trĩ (bù lạch)	làm đồng, trổ-để nhánh	5 - 10	10 - 15	3	1	0	4	0	0.0	4.0	0	TX Buôn Hồ, Lăk

	Chuột	cac giai doan	10	15	1	1	0	2	0	-1.0	-81.0	2	Ea Kar
	Bệnh đốm sọc VK (vàng lá, đỏ lá)	Làm đòng-Trổ	4 - 8	12 - 15	2	0	0	2	0	0.0	-53.0	0	Krông Năng
	Bệnh vàng lá chín sớm	Trổ-chín	4	8	1	1	0	2	0	-2.0	2.0	2	Krông Păk
	Tuyến trùng hại rễ	de nhanh-	15 - 20	30	1	0	0	1	0	1.0	1.0	0	Ea Súp
	Sâu cắn gié	Làm đòng-trổ	2 - 5	10	0.5	0	0	0.5	0	0.5	0.5	0	Krông Năng
	Nhóm cây: Rau màu												
Cà	Bộ phận	cac giai doan	10	15	2	2	0	4	0	0.0	4.0	2	Ea Kar
	Bệnh đốm lá VK	Ra hoa,qua non	8	30	3	1	0	4	0	0.0	4.0	3	Ea Kar
Hành tỏi	Dòi đục lá	PTTL-	7 - 8	18 - 20	1.2	0.5	0	1.7	0	0.0	-3.3	1	Ea Kar
	Bệnh thối gốc mốc trắng	Cay con-	8 - 10	15 - 18	0.6	0.5	0	1.1	0	-0.2	1.1	1	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu xám	PTTL-	15	30	2	1	0	3	0	0.0	3.0	3	Ea Kar
Rau cải bắp	Bệnh thối nhũn	PTTL-	8	15	1	0.5	0	1.5	0	1.5	1.5	1	Ea Kar